

Số: **1499**/BKHDĐT-GSTĐĐT

Hà Nội, ngày **18** tháng 02 năm 2025

V/v lấy ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư


Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua và ban hành Luật Đầu tư công (sửa đổi) (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2025).

Để bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, góp ý kiến cho dự thảo Nghị định sửa đổi và dự thảo Tờ trình Chính phủ (*văn bản gửi kèm theo*).

Ý kiến của Quý Cơ quan đề nghị gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng đường văn bản **trước ngày 28/02/2025** và qua thư điện tử địa chỉ: vugstdt@mpi.gov.vn để tổng hợp, hoàn thiện, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định (*thông tin liên quan đề nghị liên hệ đ/c Trịnh Minh Hiếu, số điện thoại 080.44240/0866110977*).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. 

Nơi nhận:

- Như trên (*kèm tài liệu theo danh mục*);
- Văn phòng Chính phủ (*để phối hợp*);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (*để đăng tải hồ sơ lấy ý kiến theo quy định*);
- Bộ KH&ĐT: Bộ trưởng (*để b/c*); các đơn vị thuộc Bộ (*kèm tài liệu để có ý kiến*);
- Lưu: VT, GSTĐĐT (MH **3**).



Trần Quốc Phương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư

Kính gửi: Chính phủ

Tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã thông qua các Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2025), Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (có hiệu lực từ ngày 15/01/2025). Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số/BKHĐT-GSTĐĐT ngày .../02/2025 gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đề nghị Văn phòng Chính phủ đăng tải dự thảo Nghị định tại Cổng Thông tin điện tử Chính phủ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến; đồng thời, dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư từ ngày .../02/2025.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của góp ý của các Bộ, ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (văn bản số ... ngày ...), Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tổng hợp, trình Chính phủ về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2021/NĐ-CP

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại kỳ họp thứ 8 ngày 29/11/2024, Quốc hội khóa XV thông qua các Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Đầu tư công năm 2024) có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch,

Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu (sau đây gọi là Luật số 57/2024/QH15) có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2025. Theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Đầu tư công năm 2024, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (sau đây gọi là Luật Đầu tư công năm 2019) sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹, Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư (sau đây gọi là Nghị định số 29/2021/NĐ-CP) cũng sẽ hết hiệu lực một phần từ ngày 01/01/2025. Do đó, cần khẩn trương xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP nhằm tránh tạo khoảng trống pháp lý khi Luật Đầu tư công năm 2024 có hiệu lực, tạo điều kiện cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các dự án quan trọng quốc gia và thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Cơ sở thực tiễn

Nghị định số 29/2021/NĐ-CP được xây dựng dựa trên cơ sở quy định chi tiết một số nội dung:

- Về hồ sơ, trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định đối với các dự án quan trọng quốc gia, thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội được quy định tại Điều 32, khoản 3 Điều 34, khoản 6 Điều 35, khoản 6 Điều 40, khoản 6 Điều 43, khoản 2 Điều 45 Luật Đầu tư công năm 2019; khoản 5 Điều 6 của Luật PPP và khoản 9 Điều 34 Luật Đầu tư.

- Về giám sát, đánh giá đầu tư: được quy định tại khoản 6 Điều 73, khoản 4 Điều 76 Luật Đầu tư công năm 2019; khoản 6 Điều 70 Luật Đầu tư và sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 86 đến Điều 88 Luật PPP.

- Và các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Đến nay, Luật Đầu tư công năm 2024 đã có hiệu lực thi hành; Luật Đầu tư, Luật PPP, Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 57/2024/QH15. Bên cạnh đó, một số từ ngữ và quy định tham chiếu trong các Nghị định hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư cũng cần được sửa đổi để thống nhất với các luật mới nêu trên.

¹ Tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định một trong các trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực là: “Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực.”

Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP là cần thiết, không chỉ để duy trì và tiếp nối hiệu lực pháp lý của các nội dung có liên quan về đầu tư công đang được triển khai tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP; sửa đổi các nội dung khác có liên quan về đầu tư, PPP và giám sát, đánh giá đầu tư theo pháp luật hiện hành mà còn để khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

Dự thảo Nghị định được thiết kế để quy định chi tiết: (i) về hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định đối với các dự án quan trọng quốc gia, thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; (ii) về giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng dựa trên các quan điểm sau đây:

(1) Bảo đảm sự thống nhất, phù hợp với Luật Đầu tư công, các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư, Luật PPP, Luật Đấu thầu và các nội dung khác có liên quan.

(2) Kế thừa, tiếp nối hiệu lực pháp lý, sửa đổi phù hợp với các quy định hiện hành tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

(3) Các nội dung quy định trong dự thảo Nghị định bảo đảm rõ ràng, không chồng chéo, trùng lặp và không mâu thuẫn với quy định của các Luật, Nghị định khác; đồng thời, bảo đảm tính công khai, minh bạch và khả thi để triển khai thực hiện.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định chi tiết các điều, khoản sau:

(1) Đối với Luật Đầu tư công năm 2024:

- Khoản 12 Điều 18 Luật Đầu tư công năm 2024 (trương tự khoản 3 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019) về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư phù hợp với quy định về quyền tự chủ tài chính của các cơ quan, đơn vị và sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan trung ương thực hiện.

- Khoản 4 Điều 37 Luật Đầu tư công năm 2024 về hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia; các trường hợp dừng chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia và trình tự thủ tục thực hiện.

- Khoản 6 Điều 46 Luật Đầu tư công năm 2024 về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định điều chỉnh dự án quan trọng quốc gia.

- Khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư công năm 2024 (tương tự khoản 6 Điều 35 Luật Đầu tư công năm 2019) về hồ sơ quyết định dự án, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định dự án quan trọng quốc gia.

- Khoản 6 Điều 77 Luật Đầu tư công năm 2024 (tương tự khoản 6 Điều 73 Luật Đầu tư công năm 2019) về phương pháp, tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình, dự án đầu tư công.

- Khoản 4 Điều 80 Luật Đầu tư công năm 2024 (tương tự khoản 4 Điều 76 Luật Đầu tư công năm 2019) về việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án và giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công năm 2024 (tương tự khoản 4 Điều 97 Luật Đầu tư công năm 2019) về hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

(2) Đối với Luật PPP:

- Khoản 5 Điều 6 Luật PPP về Hội đồng thẩm định dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.

- Khoản 5 Điều 11 Luật PPP về quy trình dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.

- Khoản 7 Điều 27 Luật PPP về trình tự chuẩn bị dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất, thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.

(3) Đối với Luật Đầu tư:

- Khoản 5 Điều 33 Luật Đầu tư về hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội.

- Khoản 9 Điều 34 Luật Đầu tư về trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Khoản 8 Điều 41 Luật Đầu tư về điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội.

- Khoản 9 Điều 57 Luật Đầu tư về trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định hồ sơ dự án đầu tư ra nước ngoài của Hội đồng thẩm định nhà nước.

- Khoản 6 Điều 70 Luật Đầu tư về giám sát, đánh giá đầu tư.

Trong đó, Luật số 57/2024/QH15 không sửa đổi, bổ sung đối với các quy định nêu trên của Luật PPP, Luật Đầu tư. Do vậy, trên cơ sở Luật Đầu tư công năm 2024 và thực tiễn triển khai, Nghị định sửa đổi, bổ sung nội dung quy định chi tiết các khoản 12 Điều 18, khoản 4 Điều 37, khoản 6 Điều 46, khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư công năm 2024; khoản 5 Điều 6, khoản 7 Điều 27 Luật PPP và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

(1) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng; dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; dự án do Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư.

(2) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và giám sát, đánh giá đầu tư.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

- Ngày ..., Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số ... lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về dự thảo Nghị định...

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Với các tổng hợp, phân tích nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2019/NĐ-CP với các nội dung chi tiết như sau:

Dự thảo Nghị định gồm 02 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư

Gồm 19 khoản sửa đổi, bổ sung các Điều, Khoản sau của Nghị định số 29/2019/NĐ-CP: sửa đổi khoản 19 Điều 3; sửa đổi khoản 4 Điều 7; sửa đổi khoản 6 Điều 12; Sửa đổi Điều 14; sửa đổi Điều 15; sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16; sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 18; sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 21; sửa đổi Điều 25; sửa đổi Điều 26; sửa đổi khoản 3 Điều 49; sửa đổi khoản 3 Điều 55; sửa đổi khoản 3 Điều 61; sửa đổi khoản 3 Điều 68; sửa đổi khoản 4 Điều 82; sửa

đổi khoản 4 Điều 83; sửa đổi khoản 3 Điều 84; sửa đổi khoản 1 Điều 85; sửa đổi Điều 104.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quy định ngày có hiệu lực của Nghị định và trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện báo cáo vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư.

Theo đó, dự thảo Nghị định có sự sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa so với Nghị định số 29/2021/NĐ-CP về:

(1) Sửa đổi khái niệm về “vốn nhà nước ngoài đầu tư công” theo quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thay vì pháp luật về đấu thầu (hiện Luật Đấu thầu năm 2023 không còn quy định về khái niệm vốn nhà nước).

(2) Bổ sung trách nhiệm của các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước bảo đảm thời gian thẩm định theo quy định.

(3) Sửa đổi, bổ sung quy định cho phép cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư dự án chi trả trực tiếp chi phí thẩm định cho thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và chi phí khác nhằm đơn giản hóa thủ tục và làm rõ trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư dự án.

(4) Sửa đổi, chính xác tên gọi các tài liệu của hồ sơ trình chủ trương đầu tư dự án, hồ sơ trình điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư dự án; hồ sơ trình Chính phủ của Hội đồng thẩm định nhà nước và hồ sơ trình Quốc hội của Chính phủ.

(5) Bỏ quy định về đánh giá hiệu quả tài chính trong nội dung thẩm định đối với dự án không có doanh thu do không phù hợp.

(6) Bổ sung quy định về trường hợp quá thời hạn thẩm định dự án.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Việc thi hành Nghị định trên cơ sở tận dụng bộ máy hiện có, không gây phát sinh nguồn lực mới về nhân lực và cơ sở vật chất không phát sinh trình tự, thủ tục, yêu cầu mới so với quy định hiện hành. Bên cạnh đó, do Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã quy định phân cấp, phân quyền, cắt giảm trình tự, thủ tục mạnh mẽ hơn so với Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, dẫn đến việc thi hành cũng sẽ tiết kiệm về thời gian và nguồn lực hơn so với quy định trước đây.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

Hiện nay, Luật Đầu tư công năm 2024 đã có hiệu lực. Để bảo đảm sớm có đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thi hành Luật, tạo điều kiện cho việc xây dựng và triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, trên cơ sở đã báo cáo nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ:

1. Có ý kiến với phạm vi điều chỉnh của Nghị định, trong đó, chưa được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị định trong năm 2025.

2. Giao Văn phòng Chính phủ khẩn trương tổ chức lấy ý kiến thành viên Chính phủ với dự thảo Nghị định, chỉ đạo thành viên Chính phủ có ý kiến đối với dự thảo Nghị định.

3. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Nghị định, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, GSTĐĐT (MH).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư

1. Sửa đổi khoản 19 Điều 3 như sau:

“19. Vốn nhà nước ngoài đầu tư công” là vốn nhà nước theo quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhưng không bao gồm vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.”

2. Sửa đổi khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Chịu trách nhiệm về các ý kiến thẩm định và biểu quyết của mình. Trường hợp quá thời hạn yêu cầu mà thành viên Hội đồng không bỏ phiếu biểu quyết thì coi như thành viên đó đồng ý với nội dung xin ý kiến biểu quyết và kết quả thẩm định của Hội đồng.”

3. Sửa đổi khoản 6 Điều 12 như sau:

“Chi phí thẩm định được Hội đồng nhà nước thông báo cho chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để thanh toán cho các Thành viên Hội đồng, tổ chuyên gia thẩm định liên ngành theo hình thức khoán chi và chi trả các chi phí khác theo quy định.”

4. Sửa đổi Điều 14 như sau:

“Điều 14. Hồ sơ, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia

1. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;
- b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định nội bộ;
- c) Báo cáo thẩm định nội bộ;
- d) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi 20 bộ hồ sơ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập. Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra thì thời gian thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước tính từ ngày ký hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra. Trường hợp quá thời hạn thẩm định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tổ chức thẩm định.”

5. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“Điều 15. Hồ sơ, thủ tục trình Chính phủ của Hội đồng thẩm định nhà nước và của Chính phủ trình Quốc hội

1. Hồ sơ trình Chính phủ, gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;
- b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;
- c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước;
- d) Tài liệu khác có liên quan (nếu có)

2. Chính phủ xem xét, cho ý kiến về chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia theo quy chế làm việc của Chính phủ.

3. Hồ sơ trình Quốc hội theo quy định tại Điều 21 Luật Đầu tư công, gồm:

- a) Tờ trình của Chính phủ;
- b) Các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 như sau:

“5. Đánh giá về khu vực, địa điểm đầu tư, dự kiến nhu cầu diện tích sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài nguyên khác (nếu có); đánh giá về phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; tổng hợp ý kiến thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 18 như sau:

“6. Đánh giá về mục tiêu; dự kiến quy mô, địa điểm, thời gian thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác (nếu có); tổng hợp ý kiến thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 21 như sau:

“đ) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính; tổng hợp ý kiến thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp”

9. Sửa đổi Điều 25 như sau:

“2. Chủ đầu tư hoặc đơn vị trực thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư gửi 15 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư để tổ chức thẩm định nội bộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 và điểm b khoản 3 Điều 37 Luật Đầu tư công. Thời gian thẩm định nội bộ không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Đơn vị trực thuộc hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư theo nội dung thẩm định nội bộ.”

10. Sửa đổi Điều 26 như sau:

“1. Hồ sơ trình gồm:

- a) Tờ trình Chính phủ;
- b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh;
- c) Báo cáo thẩm định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này;
- d) Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư;
- đ) Tài liệu khác có liên quan (nếu có)

2. Cơ quan chủ quản chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi 20 bộ hồ sơ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ dự án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập. Trường hợp thuê tư vấn thẩm tra thì thời gian thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước tính từ ngày ký hợp đồng tư vấn thẩm tra. Trường hợp quá thời hạn thẩm định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tổ chức thẩm định.”

11. Sửa đổi khoản 3 Điều 49 như sau:

“3. Nội dung đánh giá chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Đầu tư công.”

12. Sửa đổi khoản 3 Điều 55 như sau:

“3. Nội dung đánh giá dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Đầu tư công.”

13. Sửa đổi khoản 3 Điều 61 như sau:

“3. Nội dung đánh giá dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật Đầu tư công.”

14. Sửa đổi khoản 3 Điều 68 như sau:

“3. Nội dung đánh giá dự án áp dụng theo quy định tại Điều 77 của Luật Đầu tư công.”

15. Sửa đổi khoản 4 Điều 82 như sau:

“4. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công.”

16. Sửa đổi khoản 4 Điều 83 như sau:

“4. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công.”

17. Sửa đổi khoản 3 Điều 84 như sau:

“3. Đánh giá kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 74 của Luật Đầu tư công.”

18. Sửa đổi khoản 1 Điều 85 như sau:

“1. Công dân có quyền giám sát các dự án đầu tư thông qua Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật Đầu tư công và Nghị định này.”

19. Sửa đổi Điều 104 như sau:

“1. Dự án đang trong quá trình thực hiện là dự án đã có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền hoặc dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Đối với dự án đang trong quá trình thực hiện nhưng có tiêu chí thuộc dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư công, Điều 12 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Điều 30 Luật Đầu tư, được thực hiện như sau:

a) Các dự án được tiếp tục triển khai thực hiện; chủ đầu tư, nhà đầu tư báo cáo tình hình thực hiện đến người quyết định đầu tư hoặc cơ quan đăng ký đầu tư;

b) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc cơ quan đăng ký đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ đầu tư, nhà đầu tư để Thủ tướng Chính phủ xem xét và chỉ đạo báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình triển khai thực hiện dự án;

c) Việc quản lý đối với các dự án quy định tại khoản này được thực hiện theo nhóm dự án quy định tại Quyết định đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp; các Quyết định đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trước đó (nếu có) và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với dự án đang trong quá trình thực hiện có sự thay đổi, mà các nội dung thay đổi dẫn đến dự án thuộc tiêu chí dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại Điều 8 của Luật Đầu tư công, Điều 12 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thực hiện như sau:

a) Các dự án được tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (không phát sinh thay đổi); chủ đầu tư, nhà đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư về các vấn đề phát sinh tiêu chí thuộc dự án quan trọng quốc gia;

b) Trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh dự án được thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm điều chỉnh dự án như đối với dự án hoặc nhóm dự án trước khi điều chỉnh;

c) Người quyết định đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và chỉ đạo báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình triển khai thực hiện dự án, trong đó có vấn đề phát sinh tiêu chí thuộc dự án quan trọng quốc gia;

d) Việc quản lý đối với các dự án quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dự án quan trọng quốc gia.

4. Việc báo cáo về tình hình thực hiện dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và khoản 10 Điều 83 Luật Đầu tư công thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện báo cáo vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư.
3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

DANH MỤC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
2. Dự thảo Tờ trình Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.